

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai dự toán năm 2025 của thành phố Dĩ An

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính
quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của
Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách
nhà nước;*

*Căn cứ Thông tư số 343/TT.BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài
chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với các cấp ngân sách;*

*Căn cứ Nghị quyết số 23/NQ-HĐND ngày 20 tháng 12 năm 2024 của Hội
đồng nhân dân thành phố Dĩ An về dự toán thu ngân sách nhà nước; thu, chi và
phân bổ ngân sách địa phương năm 2025;*

Xét đề nghị của Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch thành phố Dĩ An.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách nhà nước năm 2025
(theo các biểu 81, 82, 83, 84, 85, 86, 88, 89, 90/CK-NSNN đính kèm).

Điều 2. Chánh Văn phòng HĐND - UBND thành phố, Trưởng phòng Tài
chính - Kế hoạch, Chủ tịch UBND các phường và Thủ trưởng các ban ngành, đơn
vị liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này, kể từ ngày ký. /s/

Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- Sở Tài chính;
- Thường trực Thành ủy,
- Thường trực HĐND thành phố;
- CT, các PCT và Ủy viên UBND thành phố;
- Như Điều 2;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Võ Văn Hồng



UBND THÀNH PHỐ DI AN

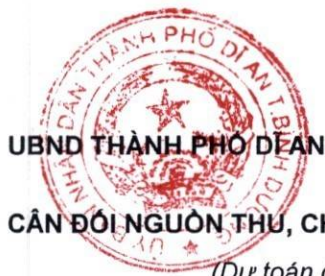
CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ NĂM 2025

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân thông qua và UBND ra Quyết định)

Biểu số 81/CK-NSNN

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán
A	TỔNG NGUỒN THU NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ	2.676.398
I	Thu ngân sách thành phố được hưởng theo phân cấp	1.590.065
-	Thu ngân sách thành phố hưởng 100%	308.545
-	Thu ngân sách TP hưởng từ các khoản thu phân chia	1.281.520
II	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	876.096
-	Thu bổ sung cân đối	840.949
-	Thu bổ sung có mục tiêu	35.147
III	Thu kết dư	-
IV	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	210.237
B	TỔNG CHI NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ	
I	Tổng chi cân đối ngân sách thành phố	2.676.398
1	Chi đầu tư phát triển	935.332
2	Chi thường xuyên	1.689.096
3	Dự phòng ngân sách	51.970
4	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	
II	Chi các chương trình mục tiêu	
1	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia	
2	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	
III	Chi chuyển nguồn sang năm sau	



UBND THÀNH PHỐ DIÊN

Biểu số 82/CK-NSNN

CÂN ĐỐI NGUỒN THU, CHI DỰ TOÁN NGÂN SÁCH CẤP TP VÀ NGÂN SÁCH PHƯỜNG NĂM 2025

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân thông qua và UBND ra Quyết định)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán
A	NGÂN SÁCH CẤP THÀNH PHỐ	
I	Nguồn thu ngân sách	2.464.832
1	Thu ngân sách được hưởng theo phân cấp	1.547.092
2	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	730.650
-	Thu bổ sung cân đối	695.503
-	Thu bổ sung có mục tiêu	35.147
3	Thu kết dư	-
4	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	187.090
II	Chi ngân sách	2.464.832
1	Chi thuộc nhiệm vụ của ngân sách cấp thành phố	2.319.386
2	Chi bổ sung cho ngân sách phường	145.446
-	Chi bổ sung cân đối	145.446
-	Chi bổ sung có mục tiêu	
3	Chi chuyển nguồn sang năm sau	
B	NGÂN SÁCH PHƯỜNG	
I	Nguồn thu ngân sách	211.566
1	Thu ngân sách được hưởng theo phân cấp	42.973
2	Thu bổ sung từ ngân sách cấp thành phố	145.446
-	Thu bổ sung cân đối	145.446
-	Thu bổ sung có mục tiêu	
3	Thu kết dư	
4	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	23.147
II	Chi ngân sách	211.566



UBND THÀNH PHỐ DI AN

Biểu số 83/CK-NSNN

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân thông qua và UBND ra Quyết định)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Năm 2025
	TỔNG THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	8.404.472
I	Thu nội địa	8.404.472
1	Thu từ khu vực DNNN do Trung ương quản lý	
2	Thu từ khu vực DNNN do Địa phương quản lý	
3	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	4.114.800
	Thuế giá trị gia tăng	1.133.000
	Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.540.200
	Thuế tiêu thụ đặc biệt	1.441.600
	Trong đó: thuế TTĐB hàng nhập khẩu bán ra trong nước	706.384
4	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	3.184.940
	Thuế giá trị gia tăng	1.432.080
	Trong đó địa phương quản lý	0
	Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.198.860
	Trong đó địa phương quản lý	0
	Thuế tiêu thụ đặc biệt	554.000
	Trong đó địa phương quản lý	288
	Thuế tài nguyên	0
	Trong đó địa phương quản lý	0
5	Thuế thu nhập cá nhân	285.600
	Trong đó địa phương quản lý	0
6	Thuế bảo vệ môi trường	
7	Lệ phí trước bạ	208.650
	Trong đó địa phương quản lý	0

STT	NỘI DUNG	Năm 2025
8	Thu phí, lệ phí	40.560
	<i>Trong đó địa phương quản lý</i>	0
9	Thuế sử dụng đất nông nghiệp	
10	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	21.177
	<i>Trong đó địa phương quản lý</i>	0
11	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	27.400
	<i>Trong đó địa phương quản lý</i>	0
12	Thu tiền sử dụng đất	440.000
	<i>Trong đó địa phương quản lý</i>	0
13	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước	
14	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết	
15	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	
	<i>Trong đó địa phương quản lý</i>	
16	Thu khác ngân sách	75.900
	<i>Trong đó thu tiền bảo vệ đất trồng lúa</i>	3.214
17	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác	5.445
	<i>Trong đó địa phương quản lý</i>	0
II	Thu viện trợ	



**DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ, CHI NGÂN SÁCH CẤP THÀNH PHỐ VÀ
CHI NGÂN SÁCH CẤP PHƯỜNG THEO CƠ CẤU CHI NĂM 2025**

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân thông qua và UBND ra Quyết định)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Ngân sách thành phố	Chia ra	
			Ngân sách cấp thành phố	Ngân sách phường
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ	2.676.398	2.464.832	211.566
A	CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ	2.676.398	2.464.832	211.566
I	Chi đầu tư phát triển	935.332	935.332	
1	Chi đầu tư cho các dự án			
	Trong đó chia theo lĩnh vực:			
-	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề			
-	Chi khoa học và công nghệ			
	Trong đó chia theo nguồn vốn:			
-	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất			
-	Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết			
2	Chi đầu tư phát triển khác			
II	Chi thường xuyên	1.508.347	1.300.401	207.946
	Trong đó:			
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	678.843	678.843	
2	Chi khoa học và công nghệ	-	-	
III	Dự phòng ngân sách	51.970	48.350	3.620
IV	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	180.749	180.749	
B	CHI CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU			
I	Chi các chương trình mục tiêu quốc gia			
	(Chi tiết theo từng chương trình mục tiêu quốc gia)			
II	Chi các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ			
	(Chi tiết theo từng chương trình mục tiêu nhiệm vụ)			
C	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU			



UBND THÀNH PHỐ DIÊN PHƯƠNG

Biểu số 85/CK-NSNN

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP THÀNH PHỐ THEO TỪNG LĨNH VỰC NĂM 2025

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân thông qua và UBND ra Quyết định)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán
A	B	C
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ	2.464.832
A	CHI BỔ SUNG CÂN ĐỐI CHO NGÂN SÁCH PHƯỜNG	145.446
B	CHI NGÂN SÁCH CẤP THÀNH PHỐ THEO LĨNH VỰC	2.319.386
	Trong đó:	
I	Chi đầu tư phát triển	935.332
1	Chi đầu tư cho các dự án	
	Trong đó:	
1.1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	
1.2	Chi khoa học và công nghệ	
1.3	Chi y tế, dân số và gia đình	
2	Chi đầu tư phát triển khác	
II	Chi thường xuyên	1.154.955
	Trong đó:	
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	678.843
2	Chi khoa học và công nghệ	330
3	Chi y tế, dân số và gia đình	81.846
4	Chi văn hóa thông tin	9.341
5	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	5.172
6	Chi thể dục thể thao	2.546
7	Chi bảo vệ môi trường	119.570
8	Chi các hoạt động kinh tế	90.421
9	Chi hoạt động của cơ quan QLNN, đảng, đoàn thể	79.406
10	Chi bảo đảm xã hội	54.480
11	Chi An ninh-quốc phòng	31.000
12	Chi khác ngân sách	2.000
III	Dự phòng ngân sách	48.350
IV	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	180.749
C	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU	

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP THÀNH PHỐ THEO CHO TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC NĂM 2024

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân thông qua và UBND ra Quyết định)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	TÊN ĐƠN VỊ	TỔNG SỐ	CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN (KHÔNG KỂ CHƯƠNG TRÌNH MTQG)	CHI THƯỜNG XUYỀN (KHÔNG KỂ CHƯƠNG TRÌNH MTQG)	CHI DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH	CHI TẠO NGUỒN, ĐIỀU CHỈNH TIỀN LƯƠNG	CHI CHƯƠNG TRÌNH MT QG			CHI CHUYỂN NGUỒN NGÂN SÁCH SANG NĂM SAU
							TỔNG SỐ	ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	CHI THƯỜNG XUYỀN	
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9
	TỔNG SỐ	2.464.832	935.332	1.300.401	48.350	180.749				
I	CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC	2.090.287	935.332	1.154.955	-	-	-	-	-	-
1	Trung tâm DV NN	863		863						
2	Trạm Chăn nuôi và Thú y	559		559						
3	Trung tâm chính trị TU	2.828		2.828						
4	SN mầm non	110.970		110.970						
5	SN Tiểu học	345.472		345.472						
6	SN trung học cơ sở	208.367		208.367						
7	Trung tâm GDTX-HN	10.806		10.806						
8	SN Y tế	28.673		28.673						
9	Trung tâm VH TT-TT	7.941		7.941						
10	Thư viện	1.400		1.400						
11	SN TDTT	2.546		2.546						
12	Đài truyền thanh	5.172		5.172						
13	VP.HĐND-UBND	13.883		13.883						
14	Phòng Tài chính -KH	2.571		2.571						
15	Phòng Lao động XH	58.548		58.548						
16	Phòng VH TT	2.099		2.099						
17	Phòng Quản lý đô thị	84.716		84.716						
18	Phòng Giáo dục	2.402		2.402						
19	Phòng Tài nguyên MT	125.425		125.425						
20	Thanh tra	1.858		1.858						
21	Phòng Tư pháp	1.921		1.921						
22	Phòng Nội Vụ	6.042		6.042						

[illegible]

DỰ TOÁN CHI THƯỜNG XUYÊN CỦA NGÂN SÁCH CẤP THÀNH PHỐ CHO TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC THEO LĨNH VỰC NĂM 2025

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân thông qua và UBND ra Quyết định)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	TÊN ĐƠN VỊ	TỔNG SỐ	TRONG ĐÓ														
			CHI GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO VÀ DẠY NGHỀ	CHI KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ	CHI Y TẾ, DÂN SỐ VÀ GIA ĐÌNH	CHI VĂN HÓA THÔNG TIN	CHI PHÁT THANH, TRUYỀN HÌNH, THÔNG TIN	CHI THỂ DỤC THỂ THAO	CHI BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG	CHI CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ	TRONG ĐÓ			CHI HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ QUAN QUẢN	CHI BẢO ĐẢM XÃ HỘI	CHI AN NINH QUỐC PHÒNG	CHI THƯỜNG XUYÊN KHÁC
											CHI GIAO THÔNG	Trong đó	NÔNG NGHIỆP, LÂM NGHIỆP,				
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	9.1	9.1.1	9.2	10	11	12	13
	TỔNG SỐ	1.154.955	678.843	330	81.846	9.341	5.172	2.546	119.570	90.421	16.479	10.000	-	79.406	54.480	31.000	2.000
1	Trung tâm DV NN	863								863							
2	Trạm chăn nuôi-Thú Y	559								559							
3	Trung tâm chính trị TU	2.828	2.828														
4	SN mầm non	110.970	110.970														
5	SN Tiểu học	345.472	345.472														
6	SN trung học cơ sở	208.367	208.367														
7	Trung tâm GDTX-HN	10.806	10.806														
8	Trung tâm y tế	28.673			27.773				900								
9	Trung tâm VH-TT	7.941				7.941											
10	Thư viện	1.400				1.400											
11	SN TDTT	2.546						2.546									
12	Đài truyền thanh	5.172					5.172										
13	VP.HĐND-UBND	13.883												13.883			
14	Phòng Tài chính -KH	2.571												2.571			
15	Phòng Lao động XH	58.548	400		1.200									2.468	54.480		
16	Phòng VH-TT	2.099												2.099			
17	Phòng Quản lý đô thị	84.716								81.234	16.479	10.000		3.482			
18	Phòng Giáo dục	2.402												2.402			
19	Phòng Tài nguyên MT	125.425							118.670	4.765				1.990			
20	Thanh tra	1.858												1.858			

[illegible]



UBND THÀNH PHỐ DI AN

Biểu số 89/CK-NSNN

DỰ TOÁN THU, SỐ BỔ SUNG VÀ DỰ TOÁN CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH TỪNG PHƯỜNG NĂM 2025

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân thông qua và UBND ra Quyết định)

Đơn vị: Triệu đồng

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Tên đơn vị	Tổng thu NSNN trên địa bàn	Thu ngân sách xã được hưởng theo phân cấp			Số bổ sung cân đối từ ngân sách cấp thành phố	Số bổ sung thực hiện điều chỉnh tiền lương	Thu kết dư	Tổng chi cân đối ngân sách phường
			Tổng số	Chia ra					
				Thu ngân sách phường hưởng 100%	Thu ngân sách phường hưởng từ các khoản thu phân				
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8
	TỔNG SỐ	211.566	42.973	42.973	-	145.446	23.147	0	211.566
1	Phường Dĩ An	40.067	12.826	12.826		23.196	4.045		40.067
2	Phường An Bình	25.957	6.635	6.635		16.503	2.819		25.957
3	Phường Bình An	26.080	3.223	3.223		19.918	2.939		26.080
4	Phường Đông Hòa	33.104	6.372	6.372		23.076	3.656		33.104
5	Phường Tân Đông Hiệp	37.022	8.273	8.273		25.035	3.714		37.022
6	Phường Tân Bình	27.985	2.967	2.967		21.734	3.284		27.985
7	Phường Bình Thắng	21.351	2.677	2.677		15.984	2.690		21.351



UBND THÀNH PHỐ DĨ AN

Biểu số 90/CK-NSNN

**DỰ TOÁN CHI BỔ SUNG TỪ NGÂN SÁCH CẤP THÀNH PHỐ
CHO NGÂN SÁCH TỪNG PHƯỜNG NĂM 2025**

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân thông qua và UBND ra Quyết định)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Tên đơn vị	Tổng số	Bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các chương trình mục tiêu, nhiệm vụ	Bổ sung vốn để thực hiện các chế độ, chính sách, nhiệm vụ	Bổ sung thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia
A	B	1=2+3+4	2	3	4
	TỔNG SỐ	145.446	0	145.446	0
1	Phường Dĩ An	23.196		23.196	
2	Phường An Bình	16.503		16.503	
3	Phường Bình An	19.918		19.918	
4	Phường Đông Hòa	23.076		23.076	
5	Phường Tân Đông Hiệp	25.035		25.035	
6	Phường Tân Bình	21.734		21.734	
7	Phường Bình Thắng	15.984		15.984	